

Số: 1577 /QĐ-BĐD

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2016
cho các Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh**

BAN ĐẠI DIỆN HĐQT NGÂN HÀNG CSXH TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH; Quyết định số 1281/QĐ-NHCS ngày 09/5/2016 về việc giao bổ sung chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh hóa về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc NHCSXH Thanh Hóa tại Công văn số 345/NHCS-KHNV ngày 09/5/2016 về việc đề nghị phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2016 cho các Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ngân hàng CSXH Thanh Hóa phối hợp với Ban đại diện HĐQT Ngân hàng CSXH các huyện, thị xã, thành phố và các ngành chức năng có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

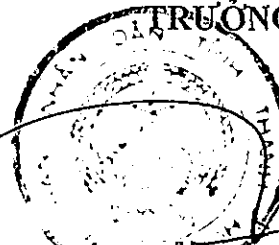
Giám đốc NHCSXH tỉnh, Trưởng BĐD HĐQT NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KTTC (HungYT).

TM. BAN ĐẠI DIỆN

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC

**Phân bổ chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng năm 2016 cho các Phòng giao dịch
NHCSXH các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh**

*(Kèm theo Quyết định số 1577/QĐ-BDD ngày 11/5/2016 của Ban đại diện
HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hoá)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tăng chỉ tiêu kế hoạch dư nợ				
		Tổng số	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo	Cho vay NS&VSMTNT
1	Hoàng Hoá	7,000	-	2,000	2,000	3,000
2	Hậu Lộc	4,500	-	2,000	1,000	1,500
3	Nga Sơn	7,500	-	2,000	2,500	3,000
4	Tĩnh Gia	20,500	7,000	9,000	3,000	1,500
5	Quảng Xương	15,000	-	7,000	5,000	3,000
6	Thọ Xuân	4,500	-	-	2,500	2,000
7	Yên Định	19,000	3,000	10,000	3,000	3,000
8	Đông Sơn	13,500	5,000	6,000	2,500	-
9	Triệu Sơn	27,000	10,000	10,000	2,000	5,000
10	Nông Cống	17,500	4,000	7,000	3,500	3,000
11	Cẩm Thủy	10,500	1,000	5,000	2,500	2,000
14	Thạch Thành	11,000	3,000	2,000	3,000	3,000
15	Quan Hóa	7,000	2,000	2,000	2,000	1,000
16	Bá Thước	14,000	5,000	5,000	2,000	2,000
17	Lang Chánh	9,000	2,000	3,000	2,000	2,000
18	Ngọc Lặc	10,000	2,000	4,000	2,000	2,000
19	Thường Xuân	13,000	3,000	5,000	3,000	2,000
20	Như Thanh	6,000	2,000	4,000	-	-
21	Hội Sớ	5,500	-	1,000	2,500	2,000
22	Bỉm Sơn	1,000	-	-	-	1,000
23	Quan Sơn	4,000	2,000	1,000	-	1,000
24	Thiệu Hoá	20,000	5,000	10,000	1,000	4,000
25	Mường Lát	5,000	2,000	2,000	-	1,000
26	Như Xuân	5,000	2,000	1,000	1,000	1,000
27	Sầm Sơn	3,000	-	-	2,000	1,000
	Tổng cộng	260,000	60,000	100,000	50,000	50,000